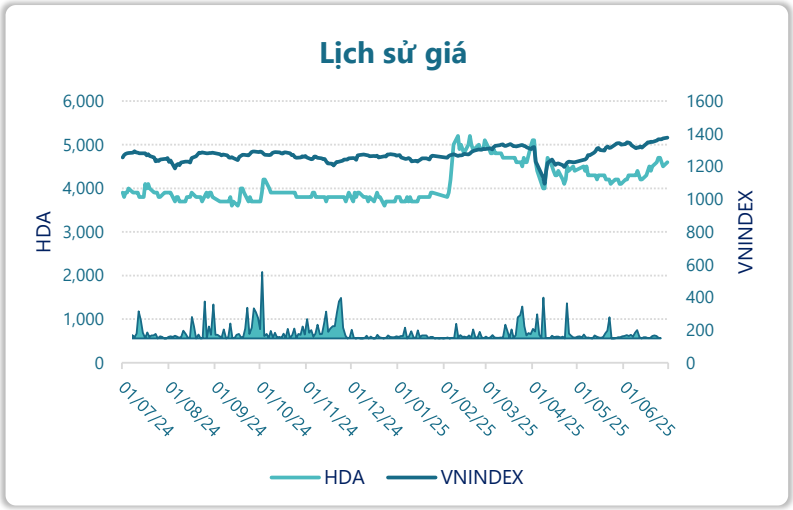
FireAnt

CTCP Hãng Sơn Đông Á (HNX: HDA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	27,599,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,640
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	127
P/E	4.9
EPS	945

DT thuần

Q2/25

70.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0| 24.6%

YoY: ▲ 17.5| 32.8%

LN sau thuế

Q2/25

15.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.6| 842%

YoY: ▲ 12.1| 394%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

23.1%

+/- YoY: ▲ 16.7%

DT thuần

6T 2025

128

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0| 15.2%

LN sau thuế

6T 2025

16.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.8| 237%

ROE

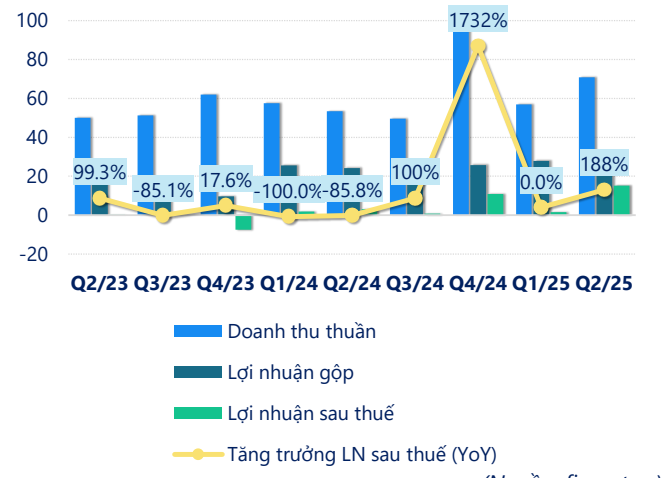
Q2/25

7.5%

+/- YoY: ▲ 8.0%

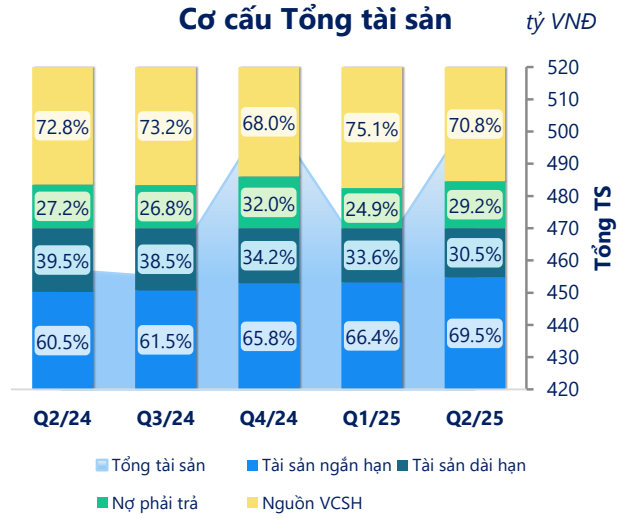
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



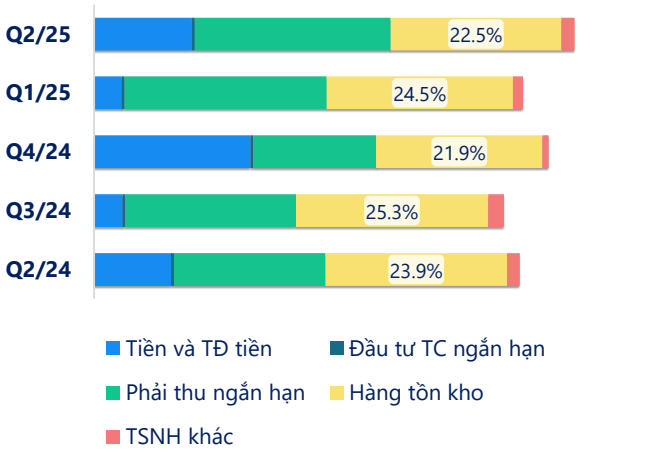
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



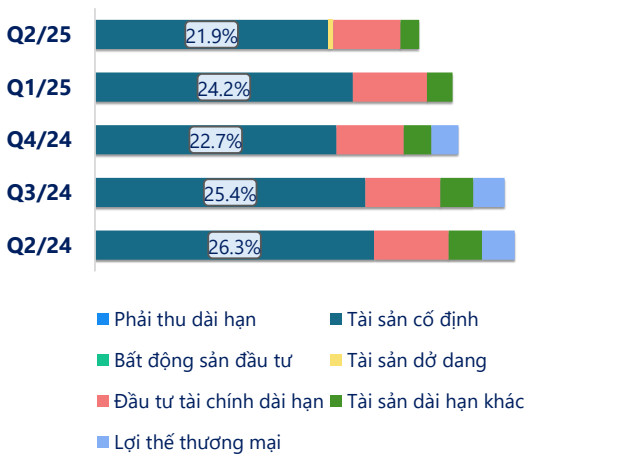
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



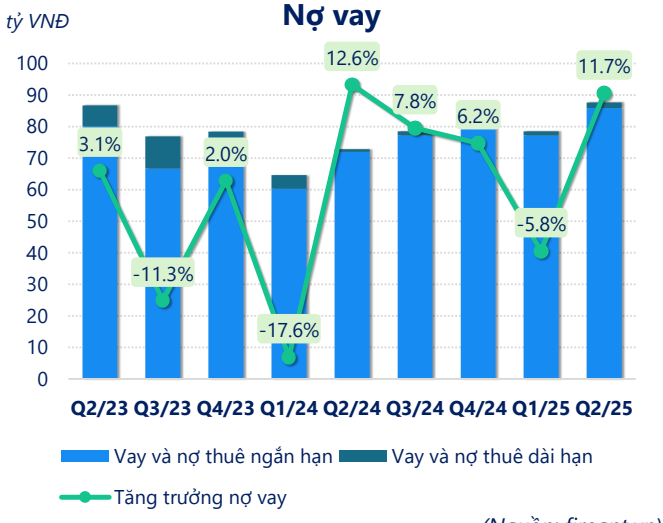
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



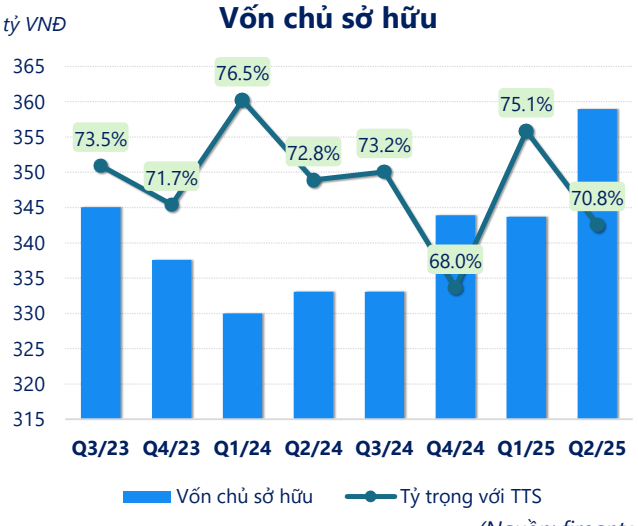
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



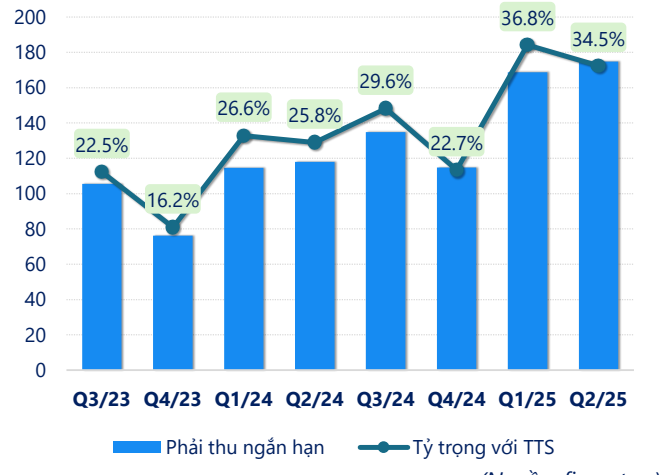
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



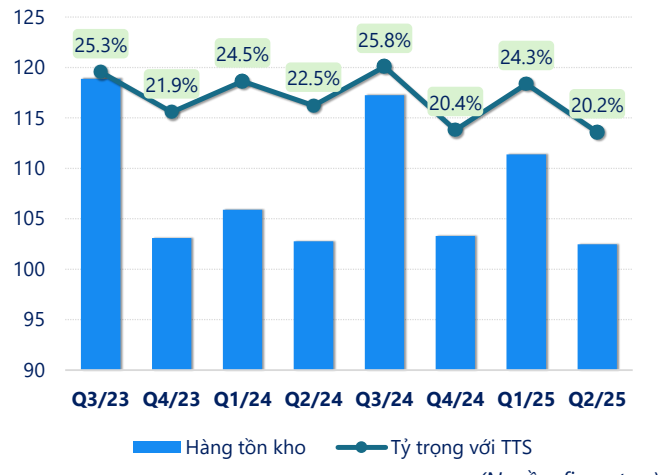
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



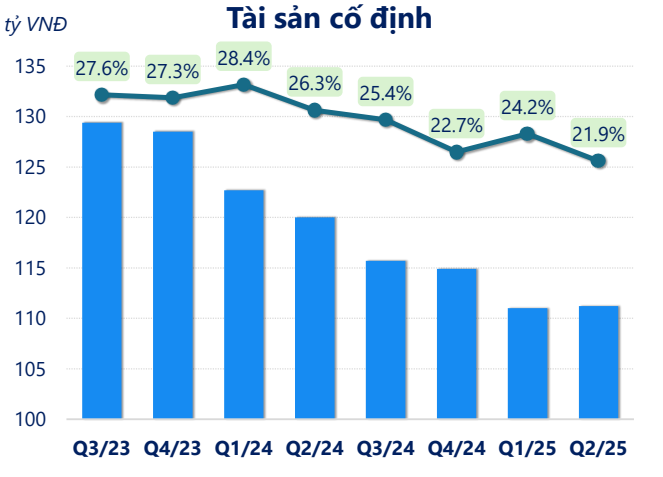
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



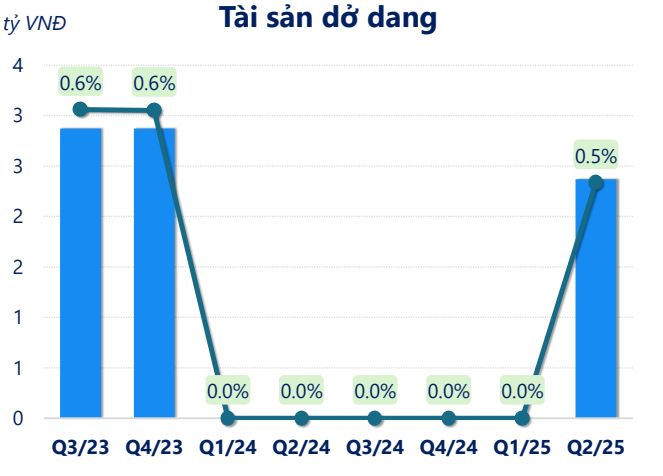
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



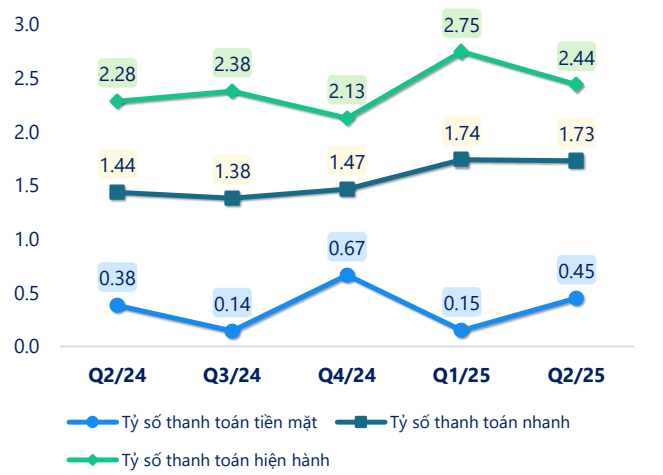
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



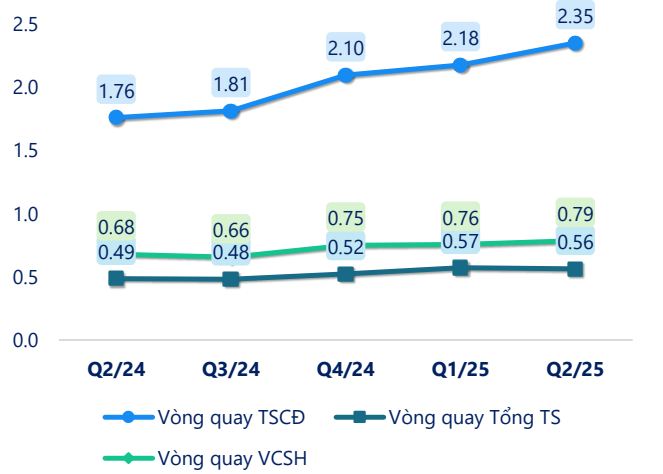
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**457**	**455**	**506**	**458**	**507**
Tài sản ngắn hạn	**277**	**280**	**333**	**304**	**352**
Tiền và tương đương tiền	46.4	17.0	104	16.6	65.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	1.70	1.70	1.70	1.73
Phải thu ngắn hạn	118	135	115	169	175
Hàng tồn kho	103	117	103	111	102
Tài sản ngắn hạn khác	7.97	8.83	9.24	5.52	8.09
Tài sản dài hạn	**180**	**175**	**173**	**154**	**155**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	120	116	115	111	111
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	2.37
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	32.0	32.0	32.0
Tài sản dài hạn khác	14.3	14.1	13.2	11.0	8.92
Lợi thế thương mại	14.1	13.5	12.8	0	0
Nợ phải trả	**124**	**122**	**162**	**114**	**148**
Nợ ngắn hạn	**121**	**118**	**157**	**111**	**144**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	71.9	77.1	80.7	77.1	85.8
Phải trả người bán ngắn hạn	31.2	23.4	45.4	20.6	40.1
Nợ dài hạn	3.01	4.28	5.52	3.56	3.45
Vay và nợ thuê dài hạn	0.85	1.33	2.57	1.33	1.78
Nguồn vốn chủ sở hữu	**333**	**333**	**344**	**344**	**359**
Vốn chủ sở hữu	**333**	**333**	**344**	**344**	**359**
Vốn điều lệ	276	276	276	276	276
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)